

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 06-5-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vàng A Kỳ;

Ông Hoàng Văn Phan;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lù Văn T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lường Thị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lù Văn T về chung sống với nhau từ năm 2017, sau đó tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu vào ngày 17/5/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống

không hạnh phúc do anh T không tu chí làm ăn, có quan hệ ngoại tình và không quan tâm đến vợ con, chị L và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Từ lúc chị L và anh T ly thân đến nay giữa hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm đến nhau, chị L không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lù Văn T.

2. Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh Lù Văn T có 02 con chung là Lù Dương B, sinh ngày 17/3/2018 và Lù Ngọc H, sinh ngày 30/8/2021. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lường Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án anh Lù Văn T trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị L đúng như chị L đã trình bày. Anh và chị L về chung sống với nhau từ năm 2017, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Khi về ở với nhau thì hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó cũng có bất đồng mâu thuẫn tuy nhiên việc anh ngoại tình cũng chỉ là vui chơi bên ngoài còn anh vẫn yêu vợ nên chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh T1 thừa nhận quá trình chung sống có 02 con chung như chị L trình bày, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lù Dương B cho đến khi thành niên, có khả năng lao động và để cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lù Ngọc H. Anh T1 không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi cháu Lù Dương B. Anh T1 khai đang làm xây dựng ở thành phố H, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lù Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại

phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị L và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L được ly hôn với anh Lù Văn T; Về con chung: Giao 02 con chung là Lù Dương B, sinh ngày 17/3/2018 và Lù Ngọc H, sinh ngày 30/8/2021 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lù Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Ngày 19/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập họp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L và anh Lù Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2017 và đến ngày 17/5/2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống chị L và anh T không hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung do anh T ngoại tình và không chịu tu chí làm ăn. Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị L và anh T kéo

dài và đã sống ly thân từ tháng 05/2023 cho đến nay, giữa chị L và anh T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa. Đặc biệt chị L không còn tình cảm yêu thương đối với anh T, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh T, trong thời gian ly thân anh T cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm với chị L. Ủy ban nhân dân xã N cũng đã xác định giữa anh T và chị L có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 5/2013 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh T đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nên yêu cầu khởi kiện của chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Lò Dương B, sinh ngày 17/3/2018 và cháu Lò Ngọc H, sinh ngày 30/8/2021 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Dương B cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, anh T thường xuyên đi làm ăn xa, hiện nay không có mặt tại địa phương, không ai biết anh T đi đâu, làm gì. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày muốn nuôi cháu B nhưng cố tình không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án cũng phần nào thể hiện sự thiếu trách nhiệm của người bố đối với các con khi quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L đang được Tòa án xem xét giải quyết. Còn chị L hiện đang sinh sống tại xã N, bản thân chị L hiện đang làm ruộng và trồng chè, thu nhập ổn định 7.000.000 đồng/01 tháng, ngoài ra chị còn được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc các con, các con của chị L đều đang còn nhỏ, cháu B mới được 06 tuổi và cháu H chưa đủ 03 tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của các cháu Lò Dương B và Lò Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao các con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị L không yêu cầu anh Lò Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Lương Thị L và anh Lò Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L được ly hôn với anh Lù Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung là Lù Dương B, sinh ngày 17/3/2018 và cháu Lù Ngọc H, sinh ngày 30/8/2021 cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lù Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị L không yêu cầu anh Lù Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về chia tài sản chung: Anh Lù Văn T và chị Lương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Lương Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: BLTU/23/0000888 ngày 27/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã Nậm Cắn; huyện Tân Uyên.
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Oanh**

